

TTĐT

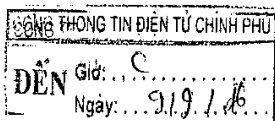
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 1761 /QĐ - TTg

Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2016



QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Bằng Tổ quốc ghi công

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 26/2005/PL-UBTVQH ngày 29 tháng 6 năm 2005 và Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng được sửa đổi, bổ sung của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 04/2012/UBTVQH ngày 16 tháng 7 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 57/TTr-LĐTBXH ngày 31 tháng 8 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” cho 106 liệt sĩ thuộc Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Quốc phòng; thành phố: Hà Nội, Đà Nẵng và 13 tỉnh: Bắc Giang, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hậu Giang, Hòa Bình, Lào Cai, Long An, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Thái Bình, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Bộ LĐ -Thương binh và Xã hội;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Sỹ Hiệp, TGD Công TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b), Hùng Lô b.



Trương Hòa Bình

DANH SÁCH
LIỆT SĨ ĐƯỢC CẤP BẰNG "TỔ QUỐC CHỈNG CÔNG"
(Kèm theo Quyết định số: 1761/QĐ-TTg ngày 08 tháng 9 năm 2016
của Thủ tướng Chính phủ)



BỘ CÔNG AN

1. Liệt sĩ: Đào Quốc Phòng

Cán bộ Công an nhân dân, nguyên quán: xã Đông Các, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12 tháng 4 năm 1989.

2. Liệt sĩ: Lại Văn Diệt

Thiếu tá công an nhân dân, nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 10 năm 1983.

3. Liệt sĩ: Đặng Minh Hải

Trung úy Công an nhân dân, nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 07 tháng 01 năm 2014.

4. Liệt sĩ: Võ Mạnh An

Hạ sĩ Công an nhân dân, nguyên quán: phường Nghi Hải, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 22 tháng 10 năm 2015.

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

5. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hanh

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 3 năm 2016.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

6. Liệt sĩ: Võ Khắc Thường

Cán bộ Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, nguyên quán: xã Tam Quan Bắc, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 11 năm 1967.

BỘ QUỐC PHÒNG

7. Liệt sĩ: Phạm Đức Trung

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Văn Phú huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 26 tháng 8 năm 2016.

TỈNH BẮC GIANG

8. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thông*

Xã đội trưởng, nguyên quán: xã Tiền Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 12 năm 1952.

THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

9. Liệt sĩ: Vũ Thiện Tấn (Vũ Khương Ninh)

Ủy viên xứ ủy Trung kỳ, nguyên quán: xã Ngọc Cục, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 9 năm 1947.

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

10. Liệt sĩ: Lã Duy Oanh

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Đồng Phú, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 18 tháng 02 năm 2016.

11. Liệt sĩ: Nguyễn Đức Tân

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Phúc Lâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 8 năm 2014.

12. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Ý

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Vân Tảo, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 12 năm 1953.

13. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Pháo

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Vân Tảo, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 8 năm 1950.

14. Liệt sĩ: Nguyễn Đình Khanh (Nguyễn Văn Khanh)

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), nguyên quán: thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 01 năm 2015.

15. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Căn

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Dục Tú, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 21 tháng 4 năm 2016.

16. Liệt sĩ: Mai Văn Chữ

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Bạch Hạ, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1949.

17. Liệt sĩ: Kiều Ngọc Thuận

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Cần Kiệm, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 23 tháng 12 năm 2005.

TỈNH HÀ TĨNH

18. Liệt sĩ: Trần Bá Quế

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 92%), nguyên quán: xã Yên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 01 tháng 4 năm 2015.

TỈNH HẢI DƯƠNG

19. Liệt sĩ: Lưu Văn Ngũ (Ngẫu)

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Đại Đức, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 11 năm 1952.

20. Liệt sĩ: Phạm Văn Mỹ

Cán bộ địch vận, nguyên quán: xã Quốc Tuấn, (nay là xã Gia Lương), huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 10 năm 1950.

21. Liệt sĩ: Trần Văn Tập

Chủ tịch Ủy ban bảo vệ, nguyên quán: phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 02 năm 1948.

TỈNH HẬU GIANG

22. Liệt sĩ: Phan Thành Long*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hiệp Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1963.

23. Liệt sĩ: Đào Thị Sen*

Trưởng Ban chấp hành phụ nữ xã, nguyên quán: xã Vị Thanh, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 9 năm 1950.

24. Liệt sĩ: Lê Thành Đông*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 10 năm 1968.

25. Liệt sĩ: Lê Văn Sậu*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vĩnh Thuận Đông, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 6 năm 1978.

26. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Ba*

Ủy viên Ban kinh tài, nguyên quán: xã Thới Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1966.

27. Liệt sĩ: Lê Văn Ri*

Cán bộ kinh tài, nguyên quán: xã Vĩnh Lập, huyện Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1971.

28. Liệt sĩ: Hồ Văn Du*

Trưởng Ban kinh tài, nguyên quán: xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 6 năm 1962.

29. Liệt sĩ: Dương Diệt Thù*

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 13 tháng 11 năm 1984.

30. Liệt sĩ: Võ Văn Sơn*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Bình, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 10 tháng 7 năm 1940.

31. Liệt sĩ: Văn Công Minh*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Lương Nghĩa, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 12 năm 1972.

32. Liệt sĩ: Trần Minh Tân*

Liên đội phó thanh niên xung phong, nguyên quán: xã Long Phú, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 01 năm 1969.

33. Liệt sĩ: Trần Thanh Hóa*

Đội phó đội biệt động, nguyên quán: xã Vĩnh Thuận Đông, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1968.

34. Liệt sĩ: Lê Văn Tính*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 02 năm 1969.

35. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Tường*

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 2 năm 1970.

36. Liệt sĩ: Ngô Thành Phương*

Trưởng ban tuyên huấn xã, nguyên quán: xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 5 năm 1967.

37. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Nhan*

Áp đội trưởng, nguyên quán: xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 4 năm 1965.

38. Liệt sĩ: Trần Văn Bé*

Công an xã, nguyên quán: xã Phương Phú, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1972.

39. Liệt sĩ: Phan Hoàng Đẹp*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hiệp Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1974.

40. Liệt sĩ: Huỳnh Đức Thắng*

Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 01 năm 1974.

41. Liệt sĩ: Bùi Văn Thừa*

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Phước, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 22 tháng 6 năm 1984.

TỈNH HÒA BÌNH

42. Liệt sĩ: Bùi Văn Nhựt*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Định Cư, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 3 năm 1979.

TỈNH LÀO CAI

43. Liệt sĩ: Ma Văn Mẫn*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Khánh Yên Hạ, huyện Văn Bàn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1972.

TỈNH LONG AN

44. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Bào*

Nhân viên cộng sản Việt tề, nguyên quán: xã Long Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, năm 1942.

45. Liệt sĩ: Phạm Thanh Hùng*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 7 năm 1989.

46. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Nhuận*

Hạ sĩ Công an nhân dân, nguyên quán: xã Tân Thanh, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1958.

47. Liệt sĩ: Đặng Tấn Thái*

A phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thanh Hà, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1970.

48. Liệt sĩ: Phạm Văn Nghiễm*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 26 tháng 5 năm 1986.

49. Liệt sĩ: Lê Văn Hiền*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Khê, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1968.

50. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thành*

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 10 năm 1965.

51. Liệt sĩ: Nguyễn Thanh Tùng*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phước Vân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 05 tháng 8 năm 1991.

52. Liệt sĩ: Phan Thị Năm*

Bí thư chi đoàn xã, nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1966.

53. Liệt sĩ: Lê Văn Nhiên (Ba Hồng)*

Huyện ủy viên, nguyên quán: xã Phước Lại, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 5 năm 1967.

54. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lắm*

Trợ lý chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Lập, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1971.

55. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Nhựt*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Lập, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 13 tháng 7 năm 1981.

56. Liệt sĩ: Trương Ngọc Lân*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long An, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 01 năm 1981.

57. Liệt sĩ: Cù Khắc Thượng*

Trưởng ban kinh tài xã, nguyên quán: xã Hiệp Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1966.

58. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Thiệp*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã An Ninh Tây, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1965.

59. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lê*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 10 năm 1949.

60. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Mỹ*

Cơ sở mật, nguyên quán: xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 12 năm 1951.

61. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lùng*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 7 năm 1968.

62. Liệt sĩ: Lê Văn Hội*

Thư ký ấp, nguyên quán: xã Hòa Khánh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 10 năm 1952.

63. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Dũng*

Công nhân viên quốc phòng, nguyên quán: thị trấn Mộc Hóa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 26 tháng 3 năm 1978.

64. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tích*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Lập, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 21 tháng 02 năm 1979.

65. Liệt sĩ: Nguyễn Truyền Thanh (Ba Sê - Bảy Lý)*

Bí thư trung ương Cần Thơ, nguyên quán: xã Tra Côn, huyện Tra Côn, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1970.

66. Liệt sĩ: Hà Văn Cẩn*

Phó ban kinh tài xã, nguyên quán: xã Nhơn Hòa Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1972.

67. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Sanh*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Trinh Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 4 năm 1969.

68. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Sóc*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 02 năm 1968.

69. Liệt sĩ: Lê Hữu Như*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Mỹ Lạc Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1966.

70. Liệt sĩ: Hà Văn Liễu*

Tiểu đội trưởng Ban trừ gian, nguyên quán: xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1947.

71. Liệt sĩ: Cao Văn Liên*

Áp đội trưởng, nguyên quán: xã Đức Lập, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 5 năm 1947.

72. Liệt sĩ: Lê Văn Phôi*

Cán sự Đảng bộ Việt kiều, nguyên quán: xã Bắc Lang, huyện Sangke, tỉnh Battambang, Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1971.

73. Liệt sĩ: Trần Văn Nghĩa*

Cán bộ phong trào, nguyên quán: xã Hưng Điền B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 7 năm 1949.

74. Liệt sĩ: Huỳnh Thị Mới*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1967.

75. Liệt sĩ: Võ Văn Gần*

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nhơn Hòa Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 22 tháng 4 năm 1976.

76. Liệt sĩ: Lê Văn Tấn*

Ủy viên Ban Bình vận, nguyên quán: xã Nhơn Ninh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1971.

77. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Vô*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vĩnh Công, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1962.

TỈNH NGHỆ AN

78. Liệt sĩ: Phạm Đức Cần

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 95%), nguyên quán: xã Diễn Mỹ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 29 tháng 3 năm 2015.

TỈNH NINH BÌNH

79. Liệt sĩ: Đinh Hữu Hân

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Khánh An, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 18 tháng 4 năm 2015.

80. Liệt sĩ: Nguyễn Hữu Miêu

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 83%), nguyên quán: xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 5 năm 2009.

TỈNH PHÚ THỌ

81. Liệt sĩ: Nguyễn Tiến Hồng

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 86%), nguyên quán: xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 7 năm 2015.

TỈNH THÁI BÌNH

82. Liệt sĩ: Phạm Thị Hoan

Xã đội phó du kích xã, nguyên quán: xã Thụy Dân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 3 năm 1951.

83. Liệt sĩ: Phạm Xuân Khoản

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 83%), nguyên quán: xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 17 tháng 5 năm 2015.

84. Liệt sĩ: Bùi Trọng Mậu

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Đông Hoàng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12 tháng 10 năm 2013.

85. Liệt sĩ: Phan Anh Hướng

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Đông Xuyên, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 24 tháng 4 năm 2015.

86. Liệt sĩ: Nguyễn Xuân Thu

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Đông Lâm, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 08 tháng 6 năm 2012.

87. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hải

Thương binh $\frac{2}{4}$ (tỷ lệ 71%), nguyên quán: xã Điệp Nông, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 09 tháng 8 năm 2014.

88. Liệt sĩ: Đào Văn Chư*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thụy Văn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1966.

89. Liệt sĩ: Dương Văn Trong*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Liên Hiệp, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1968.

90. Liệt sĩ: Nguyễn Tiến (Nguyễn Văn Tiến)*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Minh Lăng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 5 năm 1953.

TỈNH THANH HÓA

91. Liệt sĩ: Lê Hữu Sự

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Xuân Thịnh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 7 năm 2013.

92. Liệt sĩ: Nguyễn Anh Giáp

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Quảng Đông, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 28 tháng 7 năm 2015.

93. Liệt sĩ: Chu Đình Thành

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Quảng Đông, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 01 tháng 4 năm 2015.

94. Liệt sĩ: Lê Xuân Mão

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 82%), nguyên quán: xã Xuân Giang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 17 tháng 9 năm 2015.

95. Liệt sĩ: Lê Sỹ Kiều

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Hoằng Hợp, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 09 tháng 10 năm 2014.

96. Liệt sĩ: Bùi Minh Tuấn

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 85%), nguyên quán: xã Cẩm Tú; huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 28 tháng 5 năm 2015.

97. Liệt sĩ: Mai Thanh Cảnh

Thương binh $\frac{2}{4}$ (71%), nguyên quán: xã Nga Mỹ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 03 tháng 10 năm 2015.

98. Liệt sĩ: Lê Văn Thu

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Nga Trường, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 13 tháng 5 năm 2015.

99. Liệt sĩ: Hà Công Lương

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 05 tháng 12 năm 2015.

100. Liệt sĩ: Nguyễn Thiện Thanh

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 8 năm 2015.

101. Liệt sĩ: Lê Trọng Tạo

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 01 tháng 10 năm 2014.

102. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Cảnh

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Hoằng Giang, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 01 tháng 6 năm 2011.

103. Liệt sĩ: Lê Văn Dương

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 27 tháng 10 năm 2014.

104. Liệt sĩ: Trần Xuân Sở

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 92%), nguyên quán: xã Quảng Văn, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 09 tháng 6 năm 2014.

TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

105. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Chở*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phong Hòa, huyện Hương Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1968.

106. Liệt sĩ: Văn Đức Hân*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Quảng Lợi, huyện Hương Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 6 năm 1968./.

Ghi chú:

**Liệt sĩ có thân nhân đã được giải quyết chế độ trước ngày 01/01/1995. Tổng số: 62/106 trường hợp.*